



Số: 3817/CV-TGD.25

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24...tháng...9...năm 2025

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

Báo cáo Công bố thông tin theo Trụ cột 3 Basel II
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Nội dung	Trang	Bảng	Trang
Giới thiệu	4	Bảng 1: Cơ cấu Vốn tự có	5
Quy định về tỷ lệ an toàn vốn	4	Bảng 2: Tỷ lệ an toàn vốn	8
Phạm vi công bố thông tin	4	Bảng 3: TSCRR tín dụng theo loại khoản phải đòi	10
Các chỉ số chính	4	Bảng 4: TSCRR tín dụng đối tác theo loại sản phẩm	10
Phạm vi tính toán tỷ lệ an toàn vốn	5	Bảng 5: TSCRR tín dụng theo ngành	11
Cơ cấu vốn tự có	5	Bảng 6: TSCRR tín dụng theo XHTNĐL cho các TCTC trong nước	22
Tỷ lệ an toàn vốn	7	Bảng 7: TSCRR tín dụng theo XHTNĐL cho các TCTC nước ngoài	31
Quy trình tính tỷ lệ an toàn vốn	7	Bảng 8.1: TSCRR tín dụng trước và sau áp dụng CRM (riêng lẻ)	41
Kế hoạch vốn	8	Bảng 8.2: TSCRR tín dụng trước và sau áp dụng CRM (hợp nhất)	51
Rủi ro tín dụng	9	Bảng 9: Vốn yêu cầu cho RRHĐ	71
Chính sách quản lý rủi ro tín dụng	9	Bảng 10: Vốn yêu cầu cho RRTT	20
Xếp hạng tín nhiệm độc lập sử dụng khi tính CAR	12		
Giảm thiểu rủi ro tín dụng	14		
Rủi ro hoạt động	16		
Chính sách quản lý rủi ro hoạt động	16		
Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục	17		
Rủi ro thị trường	18		
Chính sách quản lý rủi ro thị trường	18		
Chiến lược tự doanh	18		
Danh mục thuộc sở kinh doanh	19		

Danh mục viết tắt

CAR	Tỷ lệ an toàn vốn
RWA	Tổng tài sản tính theo rủi ro trọng yếu
ICAAP	Quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn
CRM	Giảm thiểu rủi ro tín dụng
ĐCTC	Định chế tài chính
ECAIs	Cơ quan xếp hạng tín dụng độc lập
HSRR	Hệ số rủi ro
NHNN	Ngân hàng nhà nước Việt Nam
RRTD	Rủi ro tín dụng
RRHĐ	Rủi ro hoạt động
RRTT	Rủi ro thị trường
TCTD	Tổ chức tín dụng
TPCP	Trái phiếu chính phủ
TSCRR	Tài sản có rủi ro
XHTNĐL	Xếp hạng tín nhiệm độc lập
XHTDNB	Xếp hạng tín dụng nội bộ

Giải thích thuật ngữ

TSCRR tín dụng	Tổng tài sản có chịu RRTD của ABBANK, không bao gồm rủi ro tín dụng đối tác
Thông tư 41	Thông tư 41/2016/TT-NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
Thông tư 35	Thông tư 35/2015/TT-NHNN quy định Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các TCTD
Thông tư 13	Thông tư 13/2018/TT-NHNN Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Giới thiệu

Quy định về tỷ lệ an toàn vốn

Kể từ 01/01/2020, ABBANK chính thức tuân thủ quy định Thông tư 41/2016/TT-NHNN (Thông tư 41) về tỷ lệ an toàn vốn đối với các TCTD theo tiêu chuẩn Basel. Theo đó, ABBANK thực hiện tính toán TSCRR và yêu cầu về vốn tối thiểu theo Phương pháp tiêu chuẩn (Standardized approach – SA), để xác định tỷ lệ an toàn vốn (CAR).

Thông tư 41 cũng yêu cầu các ngân hàng thực hiện công bố thông tin tỷ lệ an toàn vốn và khung chính sách quản trị rủi ro định kỳ 6 tháng 1 lần.

Việc công bố thông tin theo quy định của Thông tư 41 nhằm cung cấp cho các bên liên quan (nhà đầu tư, khách hàng, đối tác, cơ quan quản lý,...) thông tin minh bạch về trạng thái vốn, giá trị tài sản có rủi ro cũng như khung quản lý rủi ro của ngân hàng, từ đó đánh giá được mức độ đủ vốn và năng lực quản trị rủi ro của ABBANK.

Phạm vi công bố thông tin

Báo cáo công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn cung cấp thông tin định lượng và định tính, được xây dựng theo quy định tại Điều 20 và Phụ lục 5 của Thông tư 41, bao gồm: (1) Vốn tự có, (2) Tài sản có rủi ro theo các rủi ro trọng yếu quy định trong Thông tư 41 và (3) Khung quản lý rủi ro.

Báo cáo này được xây dựng dựa theo quy định công bố thông tin của ABBBank và được đăng tải 6 tháng một lần tại website của ngân hàng: <https://www.abbank.vn>.

Thông tin công bố được đối chiếu với báo cáo tài chính đã kiểm toán cùng kỳ.

Kỳ công bố tỷ lệ an toàn vốn kỳ này tại Ngày 30 tháng 06 năm 2025. Trong báo cáo này, thuật ngữ “yêu cầu về vốn” và “vốn yêu cầu” được hiểu là tổng vốn yêu cầu tối thiểu được quy định ở mức 8% của TSCRR theo Điều 6, Thông tư 41.

Các chỉ số chính

Đơn vị: tỷ đồng

Riêng lẻ		Hợp nhất	
CAR	9,85%	CAR	9,87%
CAR cấp 1	9,39%	CAR cấp 1	9,41%
Tổng vốn tự có hợp lệ	16.031	Tổng vốn tự có hợp lệ	16.124
Tổng TSCRR	142.695	Tổng TSCRR	146.518
HSRR tín dụng bình quân	77,90%	HSRR tín dụng bình quân	77,83%

11/11/2025

Phạm vi tính toán tỷ lệ an toàn vốn

Tại Ngày 30 tháng 06 năm 2025, Ngân hàng có hai công ty con như sau:

Tên công ty	Giấy phép đăng ký kinh doanh	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình ("ABBA")	Giấy phép Kinh doanh số 0104009199 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 1 năm 2010	Quản lý tài sản	100%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ ABBA ("ABBAS") (*)	Giấy phép Kinh doanh số 0106112803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 2 năm 2013	Dịch vụ bảo vệ	100%

(*) ABBAS được sở hữu gián tiếp bởi Ngân hàng thông qua ABBA.

Số liệu các công ty con này được hợp nhất với công ty mẹ và trình bày trên báo cáo hợp nhất của ABBANK.

Tại ngày 30/06/2025 ABBANK không có khoản đầu tư vào công ty con là doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm không được hợp nhất vào vốn khi tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất.

Cơ cấu vốn tự có

Đơn vị: tỷ đồng

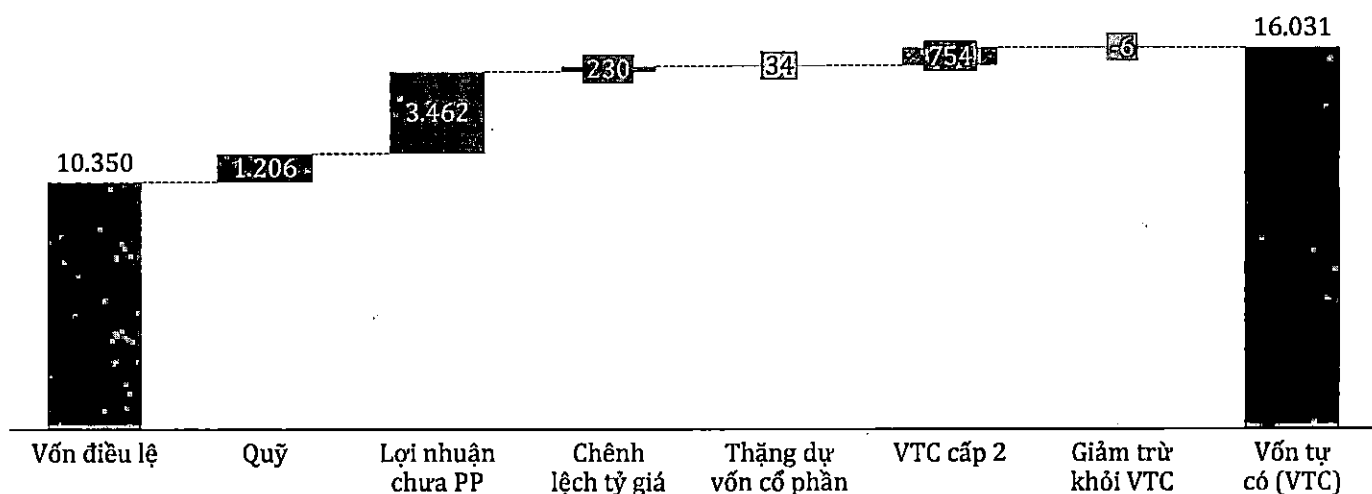
Bảng 1: Cơ cấu Vốn tự có		Riêng lẻ	Hợp nhất
A1	Vốn cấp 1	15,283	15,367
A2	Các khoản phải trừ khỏi Vốn cấp 1	0	0
A	Tổng Vốn cấp 1 (A =A1-A2)	15,283	15,367
B1	Vốn cấp 2	804	807
B2	Các khoản phải trừ khỏi Vốn cấp 2	50	50
B	Tổng Vốn cấp 2 (B =B1-B2)	754	757
C	Các khoản mục giảm trừ khi tính vốn tự có	6	0
D	Vốn tự có (D =A+B-C)	16,031	16,124

Tại 30/06/2025, Vốn tự có của ABBANK bao gồm Vốn tự có cấp 1, Vốn tự có cấp 2 và các khoản giảm trừ khỏi Vốn tự có theo quy định của Thông tư 41.

Công cụ vốn chủ sở hữu có tính chất nợ kỳ hạn gốc 10 năm và kỳ hạn còn lại dưới 2 năm, đáp ứng đầy đủ quy định của Thông tư 41 để ghi nhận nợ thứ cấp vào Vốn tự có cấp 2 của ABBANK.

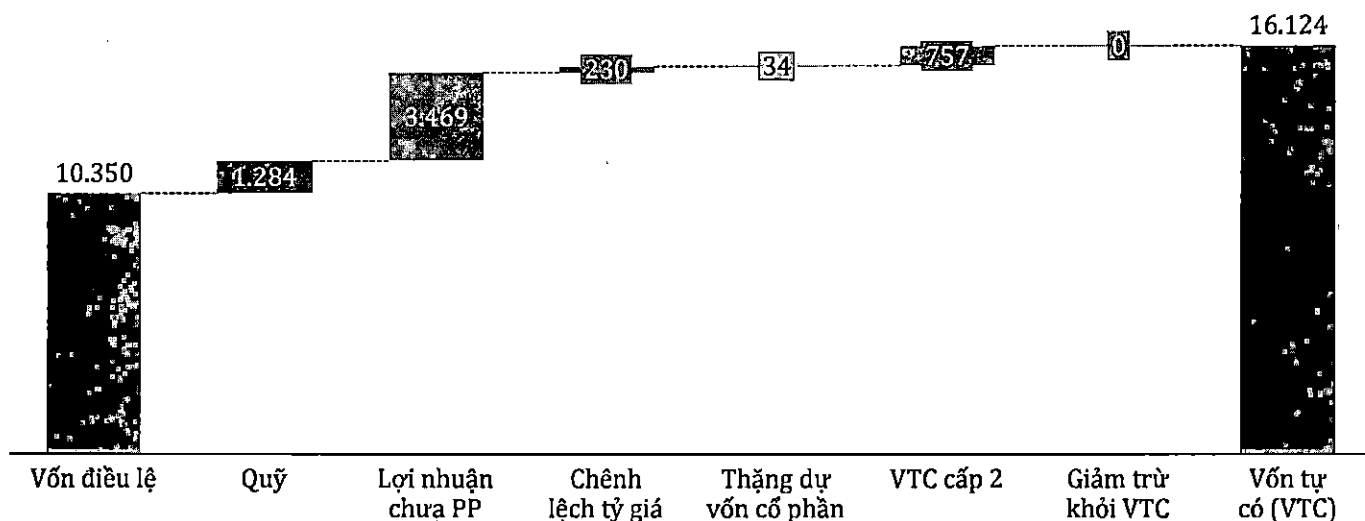
CƠ CẤU VỐN TỰ CÓ RIÊNG LẺ

Đơn vị: tỷ đồng



CƠ CẤU VỐN TỰ CÓ HỢP NHẤT

Đơn vị: tỷ đồng



Tỷ lệ an toàn vốn

ABBANK duy trì tỷ lệ an toàn vốn (CAR) riêng lẻ ở mức 9,91% - 12,28% trong năm 2025, luôn cao hơn tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của NHNN (8%) và cao hơn tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu tối thiểu điều chỉnh là 8,5%.

Quy trình tính tỷ lệ an toàn vốn

Dựa trên nền tảng OFSAA do Oracle phát triển, ABBANK vận hành hệ thống tính toán tự động CAR để cung cấp kết quả CAR định kỳ và đột xuất theo quy định của NHNN và yêu cầu quản trị nội bộ.

Việc đầu tư vào hệ thống tính toán tự động CAR nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ, kịp thời cho quá trình tính toán, đồng thời thiết lập các nguyên tắc tính toán chính xác, linh hoạt.

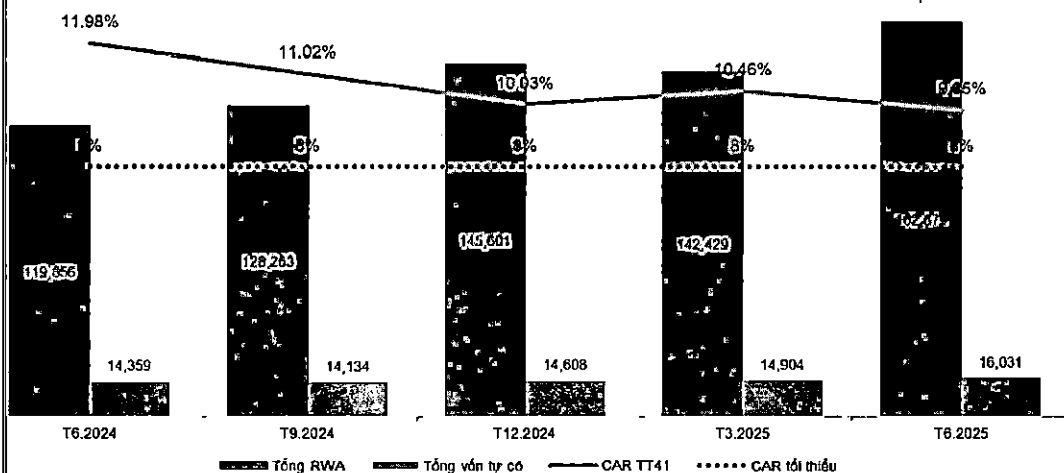
Hệ thống CAR giúp ABBANK giảm thiểu các rủi ro tác nghiệp, đảm bảo tính chính xác và kịp thời của kết quả đầu ra.

ABBANK khai thác kết quả Tài sản có rủi ro (TSCRR) của danh mục theo các chiều riêng biệt (sản phẩm, khách hàng, v.v.) nhằm tối ưu TSCRR và CAR, hỗ trợ cho công tác điều hành và quản lý CAR.

Để vận hành hệ thống hiệu quả, ABBANK đã ban hành Quy định tính toán, báo cáo và quản lý tỷ lệ an toàn vốn quy định chi tiết bao gồm vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các bên liên quan trong quy trình thu thập dữ liệu, tính toán CAR và thực hiện báo cáo tuân thủ cũng như các báo cáo quản trị nội bộ liên quan.

CAR&RWA THÔNG TƯ 41

Đơn vị: tỷ đồng



Bảng 2: Tỷ lệ an toàn vốn

	<i>Riêng lẻ</i>	<i>Hợp nhất</i>
Tổng giá trị Tài sản có rủi ro	162.679	163.332
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	142.695	142.519
A Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác	2.242	2.242
Tài sản tính theo rủi ro hoạt động	12.323	13.152
Tài sản tính theo rủi ro thị trường	5.419	5.419
Tổng vốn tự có hợp lệ	16.031	16.124
B Vốn cấp 1 (sau giảm trừ)	15.283	15.367
Vốn cấp 2 (sau giảm trừ)	754	757
Các khoản trừ khác	6	0
C Yêu cầu vốn tối thiểu và các tỷ lệ vốn	13.014	13.067
Tỷ lệ vốn cấp 1	9.39%	9.41%
Tỷ lệ an toàn vốn	9.85%	9.87%

Kế hoạch vốn

ABBANK thực hiện quy trình đánh giá mức đủ vốn nội bộ (ICAAP) hàng năm theo quy định của Thông tư 13 và thông lệ tiên tiến của Basel.

- ❖ ABBANK đã xây dựng kế hoạch vốn phù hợp với kế hoạch kinh doanh trung hạn 2025-2028 cũng như khẩu vị rủi ro của Ngân hàng thông qua việc thực hiện bổ sung thêm Vốn tự có trong giai đoạn tiếp theo để duy trì CAR mục tiêu tối thiểu là 8,5%
- ❖ Trong giai đoạn 2025-2028, ABBANK không thực hiện chia cổ tức bằng tiền mặt và cổ phiếu nhằm đảm bảo lợi nhuận giữ lại đóng góp để tăng Vốn tự có.

ABBANK đã thực hiện ICAAP năm 2025 nhằm xây dựng kế hoạch vốn đáp ứng vốn mục tiêu trong giai đoạn 2025-2028. Trong đó, ABBANK thực hiện phân bổ vốn cho các đơn vị sở hữu Sổ / Khối kinh doanh để tăng cường hiệu quả sử dụng vốn và là cơ sở cho hoạt động giám sát vốn.

Rủi ro tín dụng

Chính sách quản lý rủi ro tín dụng

Chính sách quản lý rủi ro tín dụng (RRTD) là một cấu phần trong Chính sách quản lý rủi ro tổng thể của Ngân hàng, được xây dựng dựa trên các yêu cầu của cơ quan quản lý, và cụ thể hóa với đặc điểm kinh doanh của ABBANK. Chính sách quản lý RRTD đưa ra các nguyên tắc và cơ sở cho hoạt động quản lý RRTD tại ABBANK gồm:

- ❖ Công tác quản lý RRTD được thực hiện theo nguyên tắc của Basel II và tuân thủ các quy định của NHNN trên cơ sở nguồn lực đảm bảo, hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến;
- ❖ Quản lý RRTD toàn diện xuyên suốt 3 tuyến bảo vệ theo Chính sách QLRR, Khẩu vị rủi ro, Hạn mức rủi ro, Định hướng tín dụng, Quy trình cấp tín dụng;
- ❖ Xây dựng, và quản trị các mô hình, hệ thống đo lường RRTD tiệm cận với các thông lệ tiên tiến;
- ❖ Kiểm soát xung đột lợi ích trong hoạt động cấp tín dụng, đảm bảo chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận liên quan đến quản lý RRTD phải được xác định rõ ràng theo nguyên tắc ba tuyến bảo vệ độc lập.

Chiến lược quản lý RRTD

Căn cứ Chính sách quản lý RRTD, Khẩu vị rủi ro và Hạn mức rủi ro tín dụng, chiến lược quản lý RRTD nhằm:

- ❖ Xác định mức RRTD ABBANK có thể chấp nhận để đạt mục tiêu kinh doanh;
- ❖ Thiết lập hệ thống để nhận diện, đo lường, theo dõi, giám sát và báo cáo hiệu quả công tác quản lý RRTD;
- ❖ Xây dựng các biện pháp giảm thiểu RRTD và nguyên tắc áp dụng
- ❖ Quản lý RRTD song song với các mục tiêu chính của Ngân hàng: Hoạt động an toàn và khả năng sinh lời cao nhất trong hoạt động tín dụng.

Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ

Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ (XHTDNB) được xây dựng để đo lường mức độ rủi ro của khách hàng khi chấm điểm lần đầu, định kỳ hoặc đột xuất khi cần thiết thông qua mức xếp hạng tín dụng.

Kết quả XHTDNB là một trong các cơ sở để xét duyệt cấp tín dụng, quản lý chất lượng tín dụng, xây dựng chính sách dự phòng rủi ro phù hợp với phạm vi hoạt động và tình hình thực tế của Ngân hàng.

Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, hệ thống XHTDNB được xem xét, sửa đổi, bổ sung trên cơ sở số liệu, thông tin khách hàng thu thập được trong năm.

Đo lường, theo dõi và kiểm soát RRTD

ABBANK liên tục ứng dụng phân tích dữ liệu hành vi khách hàng, am hiểu khách hàng, quản trị rủi ro gắn với mô hình, công cụ để phục vụ ra quyết định kinh doanh nhanh chóng, chính xác từ quản trị đến điều hành

ABBANK đã hoàn thiện việc xây dựng các mô hình định lượng cho toàn bộ phân khúc khách hàng bao gồm:

Mô hình đo lường PD (xác suất vỡ nợ); LGD (ước lượng tổn thất dự kiến tại thời điểm vỡ nợ), EAD (ước lượng giá trị tổn thất dự kiến tại thời điểm vỡ nợ), mô hình cảnh báo sớm RRTD, hướng đến việc tuân thủ Basel II, tiệm cận chuẩn IFRS, Basel III của thông lệ quản trị rủi ro tiên tiến trên thế giới.

Đồng thời, ABB kiểm soát rủi ro ở cấp độ danh mục, thông qua việc ứng dụng kết quả từ mô hình định lượng, các kỹ thuật, phương pháp phân tích dữ liệu vào các báo cáo quản trị danh mục tín dụng định kỳ/đợt xuất nhằm phát hiện sớm rủi ro ở cấp độ danh mục, đồng thời theo dõi và cảnh báo kịp thời các chỉ số hạn mức rủi ro, khẩu vị rủi ro khi ở ngưỡng báo động.

RRTD được theo dõi trong suốt vòng đời của giao dịch tín dụng từ khâu đề xuất, thẩm định, phê duyệt và quản lý tín dụng để đảm bảo hoạt động cấp tín dụng tuân thủ quy định của pháp luật và quy định RRTD được kiểm soát chặt chẽ, theo chiến lược quản lý RRTD, hạn mức rủi ro góp phần giảm thiểu RRTD của ABBANK.

Cơ chế trao đổi thông tin về quản lý RRTD được thiết lập theo nhiều chiều (top-down, bottom-up và giữa các bộ phận liên quan), đảm bảo mọi cá nhân ở tất cả các cấp, các bộ phận được thông báo, phổ biến, nhận thức thống nhất, đầy đủ về chính sách, quy trình, mục tiêu quản lý RRTD.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 3: TSCRR tín dụng theo loại khoản phải đòi

	<i>Riêng lẻ</i>	<i>Hợp nhất</i>
Tài sản là khoản phải đòi nội bảng	130.173	130.186
Khoản phải đòi Chính phủ	618	618
Khoản phải đòi Định chế tài chính	23.419	23.432
Khoản đòi doanh nghiệp	61.227	61.227
Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản (*)	0	0
Khoản cho vay thế chấp nhà ở	0	0
Khoản phải đòi Bán lẻ	41.860	41.860
Nợ xấu	3.049	3.049
Khoản phải đòi khác	0	0
Tài sản là khoản phải đòi ngoại bảng	8.305	8.305
Khoản phải đòi bán lẻ	935	935
Khoản phải đòi doanh nghiệp	7.338	7.338
Nợ xấu	32	32
Các loại tài sản khác	4.218	4.028
Tổng TSCRR tín dụng	142.695	142.519

(*): Bao gồm cả doanh nghiệp và cá nhân; trừ khoản phải đòi thế chấp nhà ở cá nhân khoản cho vay chuyên biệt tài trợ dự án kinh doanh bất động sản

Bảng 4: TSCRR tín dụng đối tác theo loại sản phẩm	Riêng lẻ	Hợp nhất
Giao dịch tự doanh	2,178	2,178
Giao dịch repo và giao dịch reserve repo	26	26
Giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro	3	3
Giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính	35	35
Tổng TSCRR tín dụng đối tác	2,242	2,242

(*): TSCRR tín dụng đối tác chỉ phát sinh với các khoản phải đòi là định chế tài chính trong nước

TSCRR theo ngành

Hoạt động tín dụng của ABBANK được đa dạng hóa trên hầu khắp các ngành để đảm bảo giảm thiểu rủi ro tín dụng tập trung, tuy nhiên vẫn tập trung ở các ngành chính sau:

- ❖ Dịch vụ cá nhân;
- ❖ Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác

- ❖ Xây dựng;
 - ❖ Công nghiệp chế biến, chế tạo;
 - ❖ Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;
- Thông tin về các ngành nghề kinh tế được phân bổ theo danh sách ngành nghề theo quy định của Thông tư 35/2015/TT-NHNN quy định về chế độ báo cáo thống kê với các TCTD.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 5: TSCRR tín dụng theo ngành	Riêng lẻ	Hợp nhất
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	1.131	1.131
Công nghiệp chế biến, chế tạo	14.909	14.909
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	1.593	1.593
Xây dựng	11.716	11.716
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	28.408	28.420
Vận tải kho bãi	2.699	2.699
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	28.931	28.545
Hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	18.644	18.644
Hoạt động kinh doanh bất động sản	12.222	12.222
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	461	461
Dịch vụ cá nhân	13.848	13.848
Ngành khác	8.135	8.332
Tổng TSCRR tín dụng theo ngành	142.695	142.519

Xếp hạng tín nhiệm độc lập được sử dụng khi tính CAR

Thông tư 41 yêu cầu sử dụng kết quả XHTNĐL do ECAIs cung cấp, để xác HSRR cho các loại khoản phải đòi sau:

- ❖ Chính quyền trung ương và các ngân hàng trung ương nước ngoài;
- ❖ Tổ chức công lập chính phủ và chính quyền địa phương các nước;
- ❖ Tổ chức tài chính (TCTC).

ABBANK sử dụng một cách nhất quán, theo thứ tự ưu tiên, kết quả XHTNĐL của ba ECAIs sau:

1. **Moody's Investor Service;**
2. **Standard and Poor's**
3. **Fitch Rating.**

Các ECAIs này đều thỏa mãn yêu cầu của NHNN theo quy định tại Điều 5, Thông tư 41 về:

- ❖ Tính khách quan;
- ❖ Tính độc lập;
- ❖ Tính minh bạch ;
- ❖ Tính công khai;
- ❖ Năng lực;
- ❖ Độ tin cậy.

Tại thời điểm 30/06/2025, ABBANK:

- ❖ Không có các khoản phải đòi của chính quyền và ngân hàng trung ương nước ngoài cũng như các khoản phải đòi của tổ chức công lập chính phủ và chính quyền địa phương nước ngoài;
- ❖ Chỉ các khoản phải đòi TCTC nước ngoài trên cơ sở riêng lẻ và hợp nhất;
- ❖ Có các khoản phải đòi TCTC trong nước trên cả cơ sở riêng lẻ và hợp nhất.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 6: TSCRR tín dụng theo XHTNĐL cho các TCTC nước ngoài

	HSRR	Riêng lẻ	Hợp nhất
AAA đến AA-	20%	65	65
A+ đến BBB-	50%	986	986
BB+ đến B-	100%		
Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	150%	0	0
Tổng		1.051	1.051

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 7: TSCRRTín dụng theo XHTNĐL cho các TCTC trong nước

		<i>HSRR</i>	<i>Riêng lẻ</i>	<i>Hợp nhất</i>
Khoản phải đòi có thời hạn ban đầu từ 3 tháng trở lên	AAA đến AA-	20%	0	0
	A+ đến BBB-	50%	0	0
	BB+ đến BB-	80%	4.350	4.350
	B+ đến B-	100%	5.407	5.407
	Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	150%	1.014	1.025
	Tổng		10.771	10.783
Khoản phải đòi có thời hạn ban đầu dưới 3 tháng	AAA đến AA-	10%	75	75
	A+ đến BBB-	20%	322	322
	BB+ đến BB-	40%	3.490	3.490
	B+ đến B-	50%	4.401	4.402
	Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	70%	3.309	3.309
	Tổng		11.596	11.598

Giảm thiểu rủi ro tín dụng

Trong số các biện pháp giảm thiểu RRTD (CRM) hợp lệ theo quy định của Thông tư 41, hiện tại, ABBANK chưa sử dụng các biện pháp giảm thiểu RRTD sau:

- ❖ Bảo lãnh của bên thứ ba;
- ❖ Sản phẩm phái sinh tín dụng.

Với biện pháp CRM bằng tài sản đảm bảo (TSĐB), các TSĐB hợp lệ theo quy định gồm:

- ❖ Tiền mặt, giấy tờ có giá, thẻ tiết kiệm do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành;
- ❖ Vàng (vàng tiêu chuẩn, vàng vật chất, vàng trang sức với giá trị được chuyển đổi giá trị sang vàng 99.99);

- ❖ Giấy tờ có giá do Chính phủ Việt Nam, NHNN phát hành hoặc bảo lãnh thanh toán;
- ❖ Chứng khoán nợ do chính phủ các nước, tổ chức công lập của chính phủ các nước phát hành được XHTNĐL từ BB- trở lên;
- ❖ Chứng khoán nợ do doanh nghiệp phát hành được XHTNĐL từ BBB- trở lên;
- ❖ Cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội;

Quy định về CRM bằng TSĐB và bù trừ nội bảng thực hiện theo Chính sách đánh giá chất lượng Tài sản Có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn của ABBANK.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 8.1: TSCR tín dụng trước và sau áp dụng CRM (riêng lẻ)

	<i>RWA trước khi áp dụng CRM(*)</i>	<i>Giá trị CRM</i>	<i>RWA sau khi áp dụng CRM</i>
Khoản phải đòi Chính phủ	656	0	618
Khoản phải đòi Định chế tài chính	29.266	11.888	23.419
Khoản phải đòi doanh nghiệp	72.778	9.977	61.227
Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản	0	0	0
Khoản cho vay thế chấp nhà ở	0	0	0
Khoản phải đòi Bán lẻ	48.163	6.500	41.860
Nợ xấu	3.798	29	3.049
Các loại tài sản khác	4.218	0	4.218
Tài sản ngoại bảng	8.360	253	8.305
Tổng	167.238	28.646	142.695

(*): Gồm cả nội bảng và ngoại bảng

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 8.2: TSCRR tín dụng trước và sau áp dụng CRM (hợp nhất)

	<i>RWA trước khi áp dụng CRM(*)</i>	<i>Giá trị CRM</i>	<i>RWA sau khi áp dụng CRM</i>
Khoản phải đòi Chính phủ	656	0	618
Khoản phải đòi Định chế tài chính	29.279	11.888	23.432
Khoản phải đòi doanh nghiệp	72.778	9.977	61.227
Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản	0	0	0
Khoản cho vay thế chấp nhà ở	0	0	0
Khoản phải đòi Bán lẻ	48.163	6.500	41.860
Nợ xấu	3.798	29	3.049
Các loại tài sản khác	4.028	0	4.028
Tài sản ngoại bảng	8.360	253	8.305
Tổng Cộng	167.061	28.646	142.519

(*): Gồm cả nội bảng và ngoại bảng

Rủi ro hoạt động

Chính sách quản lý rủi ro hoạt động

- ❖ Nhằm kiểm soát rủi ro một cách chủ động và toàn diện, đồng thời tuân thủ theo TT13/2018/TT-NHNN về hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng thương mại, ABBANK đã rà soát và điều chỉnh Quy trình Quản trị rủi ro đối với dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, Quy định về quản trị rủi ro khi phát triển và vận hành sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới tại ABBANK.

Chiến lược quản lý RRHD

- ❖ Trong mỗi giai đoạn, Khẩu vị rủi ro (KVRR) được xây dựng và điều chỉnh nhằm đảm bảo có sự liên kết chặt chẽ với chiến lược, mục tiêu, kế hoạch kinh doanh của ABBANK, mức độ rủi ro hoạt động có thể chấp nhận được và yêu cầu về vốn để theo đuổi các chiến lược đã được đặt ra. Hạn mức rủi ro (HMRR) có phạm vi hẹp hơn so với khẩu vị rủi ro, nhưng bám sát và có tính cảnh báo sớm khá cao đối với từng rủi ro hoạt động phát sinh, giúp các cấp quản lý có hành động can thiệp kịp thời nhằm đảm bảo hạn chế tác động của rủi ro và tuân thủ khẩu vị rủi ro. ABBANK đã ban hành KVRR và HMRR cho Năm 2025 điều chỉnh một số chỉ tiêu so với Năm 2024 để cập nhật kịp xu hướng rủi ro theo tình hình thực tế.

Đo lường, theo dõi và kiểm soát RRHD

- ❖ Nhận diện và giảm thiểu rủi ro qua công tác đánh giá các rủi ro trọng yếu và đề xuất các giải pháp giảm thiểu rủi ro tối ưu, giám sát từ xa qua thực hiện các chuyên đề: Đánh giá rủi ro hoạt động thuê tài sản, thuê dịch vụ, Đánh giá rủi ro hoạt động quản lý sản phẩm tiền gửi trực tuyến có kỳ hạn, Đánh giá rủi ro chương trình Abby Family dành cho KHCN...
- ❖ Kênh trang truyền thông cập nhật cảnh báo trước những thủ đoạn lừa đảo, chiếm đoạt tài sản ngày càng tinh vi của tội phạm, đặc biệt là trong thời điểm NHNN đang triển khai xác thực sinh trắc học trên phương tiện điện tử, nhiều đối tượng mạo danh các tổ chức tín dụng để đánh cắp thông tin VneID của Khách hàng.

Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục

- ❖ Tiếp nhận thông tin và hướng dẫn kịp thời cho các ĐVKD đối với các hoạt động gây gián đoạn kinh doanh liên tục.
- ❖ Tính đến 30/06/2025, Khối QTRR, PC&TT thực hiện diễn tập tại Ứng phó Cướp/ Khủng bố phân bố tại 2 ĐVKD được chọn mẫu khắp các khu vực Bắc Trung Nam, nhận được sự hưởng ứng tích cực từ các ĐVKD, giúp CBNV có thêm kỹ năng mềm để ứng phó trước các tình huống nguy hiểm, đe dọa an ninh Ngân hàng, đồng thời ban hành..

- ❖ Nhằm chủ động xây dựng phương án ứng phó trong các trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng, để đảm bảo các dịch vụ trọng yếu hoặc các sản phẩm quan trọng của ABBANK khôi phục trong thời gian sớm nhất có thể, Khối QTRR, PC&TT đang rà soát để điều chỉnh khung quy định về BCP, tiến tới điều chỉnh các quy định ứng phó với từng loại sự cố gián đoạn trong năm 2026.

Bảng 9: Vốn yêu cầu cho RRHĐ

	<i>Riêng lẻ</i>	<i>Hợp nhất</i>
IC (Thu nhập ròng từ lãi)	9.969	10.099
SC (Thu nhập ròng từ dịch vụ)	6.628	7.570
FC (Lãi/lỗ từ hoạt động Khối nguồn vốn)	3.120	3.373
BI (Chỉ số kinh doanh)	19.717	21.043
Vốn yêu cầu cho RRHĐ	986	1.052
Tài sản tính theo rủi ro hoạt động	12.323	13.152

Rủi ro thị trường

Chính sách quản lý rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường tại ABBANK bao gồm rủi ro lãi suất trên sổ kinh doanh và rủi ro ngoại hối.

Chiến lược quản lý RRTT

Chiến lược quản lý RRTT của ABBANK thể hiện qua việc kiểm soát tốt mức vốn phân bổ cho rủi ro thị trường do TGD ban hành trên cơ sở khẩu vị rủi ro do HĐQT phê duyệt, gồm:

- ❖ Hạn mức giao dịch đối với từng giao dịch viên;
- ❖ Hạn mức cắt lỗ (Stop loss);
- ❖ Hạn mức trạng thái ngoại hối (NOP)
- ❖ Hạn mức độ nhạy đối với sự thay đổi của lãi suất (PV01);
- ❖ Hạn mức giá trị chịu rủi ro tối đa;
- ❖ Hạn mức tổng trạng thái nắm giữ TPCP....

Đo lường RRTT

RRTT được đo lường thông qua các giá trị chịu rủi ro bằng cách sử dụng các phương pháp đo lường như VaR, cũng như các giới hạn tiền tệ, bao gồm trạng thái mở/đóng theo từng loại tiền tệ, các chốt chặn kiểm soát, độ nhạy đối với sự thay đổi lãi suất và dịch chuyển điểm cơ bản và kiểm tra sức chịu đựng, hạn mức giao dịch viên.

Tất cả các mô hình được kiểm soát chặt chẽ, kiểm thử, kiểm định độc lập và cập nhật theo chính sách do HĐQT phê duyệt.

Theo dõi và kiểm soát RRTT

RRTT được kiểm soát thông qua các biện pháp bao gồm thiết lập và cập nhật thường xuyên kế hoạch tự doanh, thực hiện giao dịch thông qua hệ thống CNTT tiên tiến, rà soát các giao dịch được đề xuất so với các hạn mức được phê duyệt trước khi thực hiện, thiết lập một bộ nguyên tắc, quy định đầy đủ, nghiêm ngặt và được phổ biến cụ thể đến đội ngũ nhân viên tại các bộ phận front, middle và back office cũng như bộ phận quản lý rủi ro.

Chiến lược tự doanh

Chiến lược tự doanh ngoại tệ

Dựa trên khẩu vị rủi ro và phân tích diễn biến của các biến số bằng các công cụ dự báo, bộ phận tự doanh ngoại hối kinh doanh các giao dịch mua/bán sản phẩm ngoại hối và các sản phẩm phái sinh ngoại hối, lãi suất để thu lợi nhuận cho ngân hàng bao gồm nhưng không hạn chế:

- ❖ Tự doanh cặp ngoại tệ USD/VND: giao dịch trong hạn mức cho phép căn cứ chênh lệch giá trên thị trường
- ❖ Mua bán cặp ngoại tệ G7: dựa trên biến động các cặp ngoại tệ
- ❖ Giao dịch các sản phẩm phái sinh: căn cứ trên biến động tỷ giá, lãi suất và chênh lệch kỳ hạn.

Chiến lược tự doanh các công cụ thu nhập cố định (FI)

Dựa trên phân tích và nhận định thị trường, khẩu vị rủi ro, nguồn lực, quy mô của ABBANK, bộ phận tự doanh thực hiện các giao dịch tự doanh Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu Chính quyền địa phương (TPCP), các công cụ tài chính có lãi suất khác với chiến lược kinh doanh linh hoạt:

- ❖ Chiến lược mua bán ngắn hạn: (1) dựa trên sự biến động của lợi suất TPCP để thu lợi nhuận từ chênh lệch giữa giá mua và giá bán, (2) dựa trên biến động giá trái phiếu tương lai để đóng/mở trạng thái.
- ❖ Chiến lược Carry trade ngắn hạn: dựa trên chênh lệch giữa lợi suất trái phiếu và chi phí vốn khi đầu tư để thực hiện việc mua vào trái phiếu, nắm giữ và bán ra sau 1 thời gian xác định để thu lợi nhuận.
- ❖ Chiến lược mua bán ngắn hạn với các công cụ tài chính có lãi suất khác: mua bán ngắn hạn nhằm thu lợi nhuận từ chênh lệch giá.
- ❖ Thu lợi nhuận từ kinh doanh chênh lệch giá;
- ❖ Phòng ngừa các rủi ro thị trường;
- ❖ Không bị hạn chế về khả năng mua, bán theo bất kỳ quy định nào của pháp luật và của của ABBANK;
- ❖ Có chiến lược tự doanh được sử dụng linh hoạt trong thời kỳ của ABBANK;
- ❖ Có bộ phận kinh doanh chuyên trách trực tiếp thực hiện giao dịch;
- ❖ Có khả năng phòng ngừa rủi ro thị trường một cách đầy đủ.

Sổ Kinh doanh ghi nhận các trạng thái của:

Danh mục thuộc sổ Kinh doanh

ABBANK đã ban hành Quy chế quản lý sổ Kinh doanh và sổ ngân hàng theo đó, các khoản mục được xác định vào sổ Kinh doanh phải thỏa mãn một trong các mục đích kinh doanh:

- ❖ Thu lợi nhuận từ biến động giá trong ngắn hạn;
- ❖ TPCP, TPCP bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- ❖ Giao dịch hợp đồng tương lai TPCP;
- ❖ Giao dịch mua/bán ngoại tệ giao ngay, giao dịch mua/bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ;
- ❖ Giao dịch phái sinh lãi suất (hoán đổi tiền tệ chéo, hoán đổi lãi suất);
- ❖ Các công cụ tài chính khác được giao dịch trên thị trường chính thức thỏa mãn yêu cầu của sổ Kinh doanh.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 10: Vốn yêu cầu cho RRTT	Riêng lẻ	Hợp nhất
Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất	350	350
Vốn yêu cầu cho rủi ro giá cổ phiếu		
Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối	84	84
Vốn yêu cầu cho rủi ro giá hàng hóa		
Vốn yêu cầu cho rủi ro cho các giao dịch quyền chọn		
Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	434	434
Tài sản tính theo rủi ro thị trường	5.419	5.419

NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH
TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM DUY HIẾU